

Bản án số: 09/2021/DS-PT

Ngày: 02/02/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Thẩm phán: Ông Trần Đức Long; Ông Võ Bá Lưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1999/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quyết Th, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Số 73 đường P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Số nhà 12 ngõ 46 đường B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Địa chỉ cần báo: Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Th1, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Số 73 đường P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Phạm Thị H; Địa chỉ: Tổ dân phố n, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Phía nguyên đơn trình bày: Năm 2016, anh Phan Văn T đến cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng của gia đình anh Nguyễn Quyết Th và chị Nguyễn Thị Th1 tại số 73 đường P, phường B, thành phố Đ đặt vấn đề mua hàng điện nước và gạch men để thi công nhà ở của bà T và nhà ở của bà H. Anh T đã trực tiếp gọi hàng, đến giao dịch và ký các giấy tờ mua bán trực tiếp với bà Nguyễn Thị Th1 (vợ của ông Th). Tất cả hàng hóa anh T yêu cầu bên cửa hàng của gia đình ông Th, bà Th1 cung cấp đều có hóa đơn, phiếu xuất và sau khi nhận hàng có chủ nhà, người thân trong gia đình chủ nhà hoặc thợ thi công ký nhận đầy đủ. Tổng số tiền mua vật liệu phục vụ việc xây dựng 02 nhà nói trên là 85.259.000 đồng. Cụ thể:

- Số tiền mua vật liệu phục vụ xây dựng nhà bà H là 60.780.000 đồng

- Số tiền mua vật liệu phục vụ xây dựng nhà bà T là 24.479.000 đồng

Ngoài ra, anh T còn mượn riêng cá nhân chị Th1 số tiền 3.000.000 đồng

Tổng số tiền anh T mua vật liệu và mượn là: 88.259.000 đồng.

Khi chở đá và gạch men cho nhà bà H anh T thanh toán 20.000.000 đồng. Tết 2017, anh T thanh toán 20.000.000 đồng. Ngày 14/02/2018, anh T thanh toán tiếp 10.000.000 đồng và xác nhận số nợ còn lại là 38.259.000 đồng. Tuy nhiên, kể từ đó đến nay anh T không thanh toán số nợ đã xác nhận. Khi anh Th thúc giục đòi nợ thì anh T nói đó là nợ của hai gia đình bà T và bà H chứ không phải là nợ của anh T. Anh T yêu cầu cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ để chứng minh việc anh T ghi nợ. Anh Th cho rằng yêu cầu trên của anh T không phù hợp vì quan hệ quen biết làm ăn nên khi nhận vật liệu chỉ ghi vào các hóa đơn còn chốt nợ là ở tờ giấy mà anh cung cấp để khởi kiện kèm theo đơn trình bày của anh. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, anh Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xử buộc anh Phan Văn T thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ từ hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng 38.259.000 đồng theo giấy xác nhận nợ ngày 14/02/2018 mà anh T đã ký và không yêu cầu tính lãi đối với số nợ nói trên.

Phía bị đơn trình bày: Vào khoảng tháng 4/2016, do điều kiện bà T, bà H không trực tiếp chỉ đạo việc mua vật liệu phục vụ công trình được nên có nhờ anh T tính toán và liên hệ vật tư phục vụ thi công nhà ở của bà T, bà H. Mặt khác, do quen biết nên chị Th1 có nhờ anh T giới thiệu các chủ nhà mua hàng ủng hộ cho cửa hàng của chị Th1 nên anh T giới thiệu cho chủ nhà ra gặp, chọn mẫu và thỏa thuận giá cả với chị Th1. Giữa anh T và cửa hàng vật liệu của chị Th1 không có hợp đồng ràng buộc gì, khi cần hàng gì thì anh T gọi điện nói rõ số lượng, chất lượng hoặc thợ thi công tự ra cửa hàng chị Th1 lấy, chị Th1 tự giao hàng có chủ nhà và thợ ký xác nhận. Về việc thanh toán, chủ nhà có nhờ anh T chuyển giúp theo phiếu của chị Th1 ghi, anh T đem đến giao cho chị Th1 (theo các lần tạm ứng). Đối với phiếu xác nhận số hàng và số tiền còn lại chưa thanh toán, chị Th1 có yêu cầu anh T xác nhận. Do suy nghĩ chỉ xác nhận làm cơ sở cho chủ nhà biết số nợ còn lại để thanh toán nên anh T đã ký vào giấy xác nhận nợ ngày 14/02/2018, xác nhận số nợ còn lại là 38.259.000 đồng. Nay, anh

Nguyễn Quyết Th (là chồng của chị Th1) khởi kiện yêu cầu trả số tiền nói trên, anh T thừa nhận chữ ký trong giấy xác nhận nợ ngày 14/02/2018 đúng là chữ của anh nhưng chữ viết ở hàng phía trên và hàng dưới có ghi “còn nợ” là không phải của anh T. Tuy nhiên, anh T không thừa nhận đó là số tiền nợ của anh T với anh Th, chị Th1 đồng thời yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp những hóa đơn, chứng từ có chữ ký của anh T từ trước đến nay để thể hiện được số tiền nợ mà anh T ký là 38.259.000 đồng.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị T: Anh T và chị T có quen biết do trước đây anh T làm công trình trên Chi cục thi hành án Dân sự huyện Minh Hóa chứ không có quan hệ họ hàng gì. Việc anh T trình bày chị T nhờ thanh toán vật tư giúp không liên quan gì đến chị và việc giữa chị và anh T không có cam kết gì trong việc đứng ra ký nhận mua vật liệu và đứng ra chỉ đạo để thi công xây dựng nhà của chị T nên việc anh Th kiện đòi anh T phải trả số tiền 38.259.000 đồng chị T không liên quan.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th1 trình bày: Gia đình chị Th1 có cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng đứng tên anh Nguyễn Quyết Th là chồng của chị Th1 nhưng do chị Th1 trực tiếp phụ trách công việc kinh doanh. Năm 2016, anh T đến liên hệ mua vật liệu xây dựng để thi công 02 nhà của bà T và bà H. Số lượng hàng hóa, việc giao nhận hàng hóa, ký các giấy tờ xác nhận và các nội dung giao dịch đúng như nguyên đơn anh Nguyễn Quyết Th trình bày. Ngày 04/02/2018, anh T đã ký xác nhận số nợ còn lại là 38.259.000 đồng. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình chị Th1 nên chị Th1 cũng nhất trí yêu cầu khởi kiện như nguyên đơn và buộc bị đơn phải có nghĩa vụ Th1 toán hết số nợ còn lại đã xác nhận, không yêu cầu tính tiền lãi, đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quyết Th xử buộc anh Phan Văn T phải trả cho anh Nguyễn Quyết Th số tiền 38.259.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/10/2020, bị đơn anh Phan Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, anh yêu cầu nguyên đơn phải cung cấp đầy đủ thông tin (bản gốc) có xác nhận của chủ nhà nơi nguyên đơn cấp vật tư. Anh yêu cầu khi xét xử phải có bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Hạnh và chị Nguyễn Thị Th1.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp đòi tài sản là không đúng, cần rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th1, bà T, bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Phan Văn T cho rằng anh không có nghĩa vụ trả số tiền 38.259.000 đồng cho cửa hàng anh Th, chị Th1, Hội đồng xét xử thấy tại phiên tòa phúc thẩm, anh T thừa nhận anh là người gọi cho cửa hàng chị Th1 để mua vật liệu thi công nhà của bà T, bà H và anh cũng là người trực tiếp ba lần Th1 toán số tiền 50.000.000 đồng cho cửa hàng chị Th1. Như vậy, có căn cứ để khẳng định giữa anh T và cửa hàng chị Th1, anh Th có xác lập hợp đồng mua vật liệu xây dựng làm nhà bà T, bà H. Hai bên đều thống nhất số tiền đã mua, số tiền đã trả. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm xử buộc anh T phải thanh toán cho cửa hàng anh Th, chị Th1 số tiền còn lại 38.295.000 đồng là có căn cứ. Số tiền này anh T có quyền yêu cầu bà Hạnh, bà T Th1 toán lại nếu chưa Th1 toán cho anh T. Từ những lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Văn T.

[3]. Về án phí: Kháng cáo của anh Phan Văn T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, 431, 433, 435, 436, 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Văn T giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

2. Về án phí: Anh Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006711 ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (02/02/2021).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương